

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/DSST
Ngày: 19-11-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Út.

2. Ông Phan Văn Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S.

Trụ sở chính: Số 266-268, đường N, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thái B2, chức vụ: Giám đốc

Ngân hàng TMCP S-Chi nhánh Kiên Giang. Địa chỉ: Số 279-281-283-285 TP, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Thái B2: Anh Quách Quân H3. Chức vụ: Phó Trưởng Phòng giao dịch H - Ngân hàng TMCP S. Địa chỉ: Khu phố 1, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang (Giấy ủy quyền ngày 27/10/2020). (anh H3 có mặt)

2. Bị đơn:

- Bà Bùi Cẩm H2, sinh năm 1963;
- Ông Vũ Văn B, sinh năm 1954.

Cùng địa chỉ: Tổ 1, Khu phố 3, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (bà H2 và ông B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 6 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:

Căn cứ hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD190300426 ngày 30/01/2019 giữa Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Kiên Giang -PGD H và bà Bùi Cẩm H2, ông Vũ Văn B, theo đó Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Kiên Giang - PGD H có cấp tín dụng cho bà H2 và ông B vay vốn số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 24%/năm, thời hạn vay 36 tháng, thỏa thuận phương thức trả nợ là vốn, lãi trả định kỳ hàng tháng theo dư nợ ban đầu, thời điểm trả hết nợ là ngày 30/01/2022. Trong quá trình vay đến ngày khởi kiện, bà H2 và ông B đã trả được tổng gốc, lãi là 21.492.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H2, ông B không có thiện chí trả nợ, vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên từ tháng 11/2019, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 22/5/2020, bà H2 và ông B còn nợ tổng cộng là 45.487.000 đồng, trong đó vốn gốc là 37.508.000 đồng, nợ lãi là 7.979.000 đồng. Tính đến ngày 17/11/2020, bà H2 đã trả được tiền gốc 4.000.000 đồng, dư nợ còn lại là 33.508.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 19/11/2020 là 16.552.943 đồng (trong đó, lãi trong hạn 13.000.000 đồng, lãi quá hạn 3.552.943 đồng). Nay Ngân hàng yêu cầu bà H2, ông B phải có nghĩa vụ thanh toán nợ tổng cộng gốc và lãi là 50.060.943đ (Năm mươi triệu không trăm sáu mươi

ngàn chín trăm bốn mươi ba đồng). Đồng thời buộc bà H2 và ông B phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất như thỏa thuận trong hợp đồng từ sau ngày 19/11/2020 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 12/8/2020, bị đơn bà Bùi Cẩm H2 trình bày:

Bà Bùi Cẩm H2 thừa nhận bà và chồng bà là ông Vũ Văn B có vay Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Kiên Giang - PGD H số tiền 50.000.000 đồng, mỗi tháng trả gốc và lãi là 2.388.000 đồng, bà đã trả được vài kỳ. Do bị tai nạn giao thông phải nằm viện điều trị, không thể lao động được nên không có tiền đóng cho Ngân hàng, ông B bị bệnh nên cũng không thể lao động kiếm tiền, vì vậy ông, bà không có điều kiện trả nợ. Bà H2 xin được trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng, khi nào Nhà nước thu hồi đất của bà để làm đường, bồi thường tiền đất thì bà sẽ thanh toán toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Vũ Văn B đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc, trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ liên quan yêu cầu khởi kiện bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0301103908 (phô tô chứng thực); Giấy ủy quyền số 3979/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019 giữa bà Nguyễn Đức Thạch D và ông B2 (phô tô chứng thực); Giấy ủy quyền ngày 23/9/2020 giữa ông B2 và anh Mai Trường T (bản chính); Quyết định về việc tái bổ nhiệm nhân sự số 3503/2019/QĐ-NS ngày 10/6/2019 đối với ông B2 (phô tô chứng thực); Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD 1903000426 ngày 30/01/2019 của bà Bùi Cẩm H2, ông Vũ Văn B (phô tô có đóng dấu treo của Ngân hàng S); Giấy CMND và sổ hộ khẩu của bà Bùi Cẩm H2 (phô tô có đóng dấu treo của Ngân hàng S); Tóm tắt sao kê tính lãi khách hàng Bùi Cẩm H2 ngày 22/5/2020 và ngày 19/11/2020 (bản chính).

Tại phiên tòa:

- Người đại diện của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Cẩm H2, ông Vũ Văn B phải có trách nhiệm thanh toán nợ tổng cộng gốc và lãi là 50.060.943 đồng. Đồng thời buộc bà H2 và ông B phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất như thỏa thuận trong hợp đồng từ sau ngày 19/11/2020 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

- Bị đơn bà Bùi Cẩm H2 và ông Vũ Văn B đều vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Vụ án thụ lý là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; lập hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ; cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H2, ông B trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 50.060.943 đồng và lãi phát sinh theo mức lãi suất như thỏa thuận trong hợp đồng từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán dứt nợ. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn bà Bùi Cẩm H2 và ông Vũ Văn B có nơi cư trú tại Khu phố 3, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay còn thiếu theo hợp đồng tín dụng. Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Bùi Cẩm H2 và ông Vũ Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định giữa Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Kiên Giang - PGD H với bà Bùi Cẩm H2 và ông Vũ Văn B có xác lập hợp đồng vay vốn vào ngày 30/01/2019, số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 24%/năm, thời hạn vay 36 tháng. Hai bên thỏa thuận phương thức trả nợ là vốn, lãi trả định kỳ hàng tháng theo dư nợ ban đầu, thời điểm trả hết nợ là ngày 30/01/2022. Trong quá trình vay đến ngày khởi kiện, bà H2 và ông B đã trả được tổng gốc lãi là 21.492.000 đồng. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, phù hợp quy định tại Điều 463 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Giao dịch dân sự được xác lập giữa các bên có hiệu lực theo quy định tại Điều 116 và Điều 117 của Bộ luật Dân sự.

[4] Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: “1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;...”. Khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng quy định về chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi suất như sau: “1. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng ...”. Do bà H2, ông B vi phạm kỳ trả nợ như thỏa thuận trong hợp đồng, nên Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà H2, ông B phải có nghĩa vụ thanh toán nợ trước hạn, số dư nợ gốc là 33.508.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 19/11/2020 là 16.552.943 đồng (trong đó, lãi trong hạn 13.000.000 đồng, lãi quá hạn 3.552.943 đồng), tổng cộng 50.060.943 đồng là phù hợp quy định của pháp luật và phù hợp sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H2 và ông B phải có nghĩa vụ trả số nợ trên cho Ngân hàng TMCP S. Đồng thời, bà H2 và ông B phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất như thỏa thuận trong hợp đồng từ sau ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/11/2020) cho đến khi thanh toán dứt nợ.

[5] Về án phí: Ông Vũ Văn B sinh năm 1954 là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, ông B không đến Tòa và không có đơn đề nghị, cũng như không yêu cầu miễn án phí. Căn cứ Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử miễn xem xét. Buộc bà H2 và ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn: $50.060.943 \text{ đồng} \times 5\% = 2.503.047 \text{ đồng}$. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Buộc bà Bùi Cẩm H2 và ông Vũ Văn B phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng cộng là 50.060.943đ (Năm mươi triệu không trăm sáu mươi nghìn chín trăm bốn mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 33.508.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 19/11/2020 là

16.552.943 đồng (trong đó, lãi trong hạn 13.000.000 đồng, lãi quá hạn 3.552.943 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/11/2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Bùi Cẩm H2 và ông Vũ Văn B phải chịu án phí số tiền 2.503.047 đồng (Hai triệu năm trăm lẻ ba nghìn không trăm bốn mươi bảy đồng).

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.137.175 đồng (Một triệu một trăm ba mươi bảy nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003703 ngày 11/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. H;
- Chi cục THADDs Tp. H;
- Những người TGTt,
- Lưu: HsVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Chí Dũng